TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** *****	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *****
Số: 91/2022/QĐST-DS	*C, ngày 11 tháng 7 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 1,2 Điều 212; Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày **01** tháng **7** năm **2022** về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số 66/2022/TLST–DS ngày 09 tháng 5 năm 2022.*

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn **07** ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Ngân hàng TMCP KTVN (Techcombank).

Địa chỉ: Số 191 Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: **Ông Hồ Hùng A** - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Nh - Chức danh: Giám đốc Xử lý nợ *(Theo Quyết định ủy quyền số 1218/2017/QĐ-HĐQT ngày 27/9/2017).*

Bà Phạm Thị Nh ủy quyền cho ông Phạm Viết Th, bà Nguyễn Thị H, bà Trần Thị Hồng Ph – Chuyên viên xử lý nợ *(theo Giấy ủy quyền số 291-03/2022/UQ-TCB ngày 4/5/2022)*

**** Bị đơn:*** Ông Trần Văn Ch, sinh năm 1981

Nơi đăng ký HKTT: xóm TT, thôn YT, xã TY, huyện C, Thành phố Hà Nội.

Ông Trần Văn Ch ủy quyền cho ông Trần Văn H, sinh năm 1974; cư trú tại: thôn YT 2, xã TY, huyện C, Thành phố Hà Nội (theo Giấy ủy quyền ngày 19/5/2022).

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Trần Thị H, sinh năm 1962.

2. Anh Nguyễn Gia L, sinh năm 2001 *(con bà Hoan)*

3. Bà Trần Thị L, sinh năm 1971.

4. Anh Trần Văn T, sinh năm 2001 *(con bà Loan).*

5. Chị Trần Thị Hồng Ng, sinh năm 2008 *(con bà Loan).*

Người đại diện theo pháp luật của chị Trần Thị Hồng Ng*: Bà Trần Thị L (mẹ đẻ)*

Đều đăng ký HKTT và cư trú tại: xóm TT, thôn YT, xã TY, huyện C, Thành phố Hà Nội.

Bà Trần Thị H, anh Nguyễn Gia L, bà Trần Thị L, anh Trần Văn T đều ủy quyền cho Ông Trần Văn H, sinh năm 1974; cư trú tại: thôn YT 2, xã TY, huyện C, Thành phố Hà Nội (theo Giấy ủy quyền ngày 13/6/2022).

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về số tiền còn nợ và trách nhiệm trả nợ:

Theo Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 39783/HĐTD/TH-TN/TCB-LTK-HDU ngày 24/12/2010 và Khế ước và cam kết trả nợ số 39783 ngày 24/12/2010; Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 28/9/2011. Ông Trần Văn Ch còn nợ và có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng TMCP KTVN tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 01/7/2022 là: **1.409.922.577** đồng cụ thể:

Ông Trần Văn Ch còn nợ và có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng TMCP KTVN theo Hợp đồng tín dụng số 39783/HĐTD/TH-TN/TCB-LTK-HDU ngày 13/12/2010 và "Đề nghị phát hành thẻ quốc tế" ngày 28/9/2011 số tiền tạm tính đến ngày 01/7/2022 là 1.409.922.577 đồng cụ thể:

+ Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 39783/HĐTD/TH-TN/TCB-LTK-HDU ngày 13/12/2010: gốc còn nợ: 455.580.675 đồng; lãi trong hạn: 473.271.515 đồng; lãi quá hạn 421.078.691 đồng; Tổng cộng: 1.349.930.881 đồng

+ Thẻ tín dụng 28/9/2011: gốc 12.302.350 đồng; lãi 47.689.346 đồng. Tổng cộng: 59.991.696 đồng.

Ông Trần Văn Ch tiếp tục chịu lãi phát sinh trên nợ gốc theo lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 39783/HĐTD/TH-TN/TCB-LTK-HDU ngày 13/12/2010 và "Đề nghị phát hành thẻ quốc tế" ngày 28/9/2011 kể từ ngày 02/7/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Về xử lý tài sản thế chấp:

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật mà ông Trần Văn Ch không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tất cả các khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng Thương mại cổ phần KTVN có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng là:

+ Tài sản 1: Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, các quyền và lợi ích phát sinh từ tài sản thế chấp đối với thửa đất số 16 tại địa chỉ: Gò Đồng An, thôn YT, xã TY, huyện C, Thành phố Hà Nội (*Giấy chứng nhận Quyền sử*

dụng đất số A0 887100, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01471, do UBND huyện C, thành phố Hà Nội cấp ngày 13/04/2009) mang tên bà Trần Thị L. Tài sản đảm bảo được xử lý theo diện tích, kích thước thực tế tại thời điểm xử lý tài sản đảm bảo.

+ Tài sản 2: Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, các quyền và lợi ích phát sinh từ tài sản thế chấp đối với thửa đất số 143 tờ bản đồ số: 02 tại địa chỉ: Thôn YT, xã TY, huyện C, thành phố Hà Nội *(Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BD 843772, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 00084, do UBND huyện C, thành phố Hà Nội cấp ngày 16/11/2010)* mang tên bà Trần Thị H. Tài sản đảm bảo được xử lý theo diện tích, kích thước thực tế tại thời điểm xử lý tài sản đảm bảo.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Trần Văn Ch đối với Techcombank. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Trần Văn Ch vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Techcombank./.

3. Về án phí:

+ Ông Trần Văn Ch tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 27.148.839 đồng. Do ông Chín có hoàn cảnh kinh tế khó khăn và do dịch bệnh covid nên giảm một phần án phí cho ông Trần Văn Ch. Ông Trần Văn Ch phải nộp án phí là 14.000.000 đồng.

+ Ngân hàng TMCP KTVN được hoàn trả số tiền **35.400.000** đồng *(Bằng chữ: Ba mươi lăm triệu, bốn trăm nghìn đồng)* dự phí đã nộp (*theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0075876 ngày 05 tháng 5 năm 2022*) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, Thành phố Hà Nội.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hoàng Long